

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **57** /2021/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **21** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 786/TTr-STC ngày 20/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước theo quy định (gọi tắt là Người sử dụng đất);

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = Tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa.

2. Cách xác định các yếu tố khi tính mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) xác định số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, được tính bằng 100% trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh ban hành.

Điều 3. Lập dự toán, chấp hành, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Người sử dụng đất

a) Lập bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 2 Điều 5a được bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp được UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất), gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện (đối với trường hợp được UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).

b) Căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của cơ quan tài nguyên và môi trường, lập hồ sơ đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 3 Điều 5a được bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, gửi Sở Tài chính (đối với các trường hợp được UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất), gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (đối với trường hợp được UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).

c) Chịu trách nhiệm thực hiện nộp đầy đủ, đúng thời hạn khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của cơ quan tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn việc xây dựng các phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng;

b) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Có trách nhiệm xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với các trường hợp được UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất gửi Người sử dụng đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp theo

quy định tại Khoản 2 Điều 5a được bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách hằng năm theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định;

c) Căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của Sở Tài nguyên và môi trường, hồ sơ đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của Người sử dụng đất để xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp và thông báo cho Người sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 5a được bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; Chủ trì theo dõi, đôn đốc nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với các trường hợp do Sở Tài chính thông báo.

5. Cục Thuế tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Kho Bạc nhà nước tỉnh trong việc xác định số tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, đôn đốc Người sử dụng đất nộp đủ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và tiền chậm nộp theo quy định khi Người sử dụng đất chậm nộp tiền theo thông báo của Sở Tài chính.

b) Chỉ đạo Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho Bạc nhà nước cấp huyện trong việc xác định số tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, đôn đốc Người sử dụng đất nộp đủ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và tiền chậm nộp theo quy định khi Người sử dụng đất chậm nộp tiền theo thông báo của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chịu trách nhiệm báo cáo kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất do chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo hằng năm theo quy định.

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đối chiếu xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với trường hợp được UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định

tại Khoản 2 Điều 5a được bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của Phòng Tài nguyên và Môi trường, hồ sơ đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của Người sử dụng đất để xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp và thông báo cho Người sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 5a được bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; Chủ trì theo dõi, đôn đốc nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với các trường hợp do Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 93/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tỉnh Lào Cai.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo quy định, văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp;
- Cục Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Công báo Lào Cai; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường